

TP. HCM, ngày 30 tháng 9 năm 2020

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trung học phổ thông, năm học 2020-2021

Mẫu 09

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Stt	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	16	16	18
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Chương trình cơ bản, cơ bản nâng cao		
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Gia đình phối hợp nhà trường trong việc quản lý kế hoạch học tập cá nhân của học sinh ở nhà, tạo điều kiện để học sinh tham gia các hoạt động của trường. - Học sinh học tập tích cực, sáng tạo tuân thủ nội quy trường, lớp.		
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Hoạt động các CLB học thuật, CLB đội nhóm. - Các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, tiết học thực tế ngoài lớp học, ngoài nhà trường - Hoạt động xã hội từ thiện, trợ giúp kinh phí học tập cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn.		
V	Kết quả năng lực, phẩm chất học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Phần đầu không để học sinh có xếp loại hạnh kiểm yếu, kém; khi đánh giá học sinh cần quan tâm đến quá trình rèn luyện các yếu tố tác động khách quan và chủ quan. - Học sinh phải biết chơi một môn thể thao khi ra trường.		
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Không để học sinh nghỉ học vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. - Tạo điều kiện để học sinh hoàn thành chương trình năm học, có năng lực cần thiết. - Học sinh định hướng nghề nghiệp tương lai.		- Không để học sinh nghỉ học vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. - Tạo điều kiện để học sinh hoàn thành chương trình năm học, đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp THPT



HIỆU TRƯỞNG *[Signature]*

Lê Văn Anh

TP. HCM, ngày 30 tháng 9 năm 2020

THÔNG BÁO

Mẫu 10

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2019-2020

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Stt	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	2.250	720	782	748
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1864	603	613	648
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	349	105	151	93
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	36	11	18	7
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	01	01	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	2.250	720	782	748
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	148	37	60	51
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	1380	450	482	448
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	710	226	237	247
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	11	6	3	2
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	1	1	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	2.250	720	782	748
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	2.226	704	776	746
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	146	34	58	51
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	1381	450	484	447
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	25	12	13	7
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	9	7	2	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	9/17	1/11	6/3	2/3

Stt	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	22	7	6	9
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	66	29	16	21
1	Cấp tỉnh/thành phố	66	29	16	21
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	747	0	0	747
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	747	0	0	747
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)				
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)				
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1028/1210	332/379	350/429	346/402
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	451	153	127	171



HIỆU TRƯỞNG nl

Lê Văn Anh